

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 15.1 NĂM 2015

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2015 như sau:

1. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

| Số TT | Chuyên ngành | Mã số | Số TT | Chuyên ngành | Mã số |
|-------|-----------------------|-------------|-------|------------------|-------------|
| 1 | Quản lý giáo dục | 60 14 01 14 | 5 | Hóa hữu cơ | 60 44 01 14 |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | 60 34 02 01 | 6 | Lịch sử Việt Nam | 60 22 03 13 |
| 3 | Toán giải tích | 60 46 01 02 | 7 | Văn học Việt Nam | 60 22 01 21 |
| 4 | Ngôn ngữ học | 60 22 02 40 | | | |

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

- Người dự thi phải có bằng đúng ngành, ngành phù hợp hoặc ngành gần với chuyên ngành dự thi. Đối với ngành gần, người dự thi phải học **các học phần bổ sung** do Trường Đại học Sài Gòn quy định và tổ chức.

- Nếu có môn học thuộc danh sách các học phần bổ sung mà thí sinh đã học ở bậc đại học có cùng số tín chỉ, thì thí sinh nộp bằng điểm có công chứng để nhà trường xem xét.

- Trường Đại học Sài Gòn sẽ tổ chức học và thi hết môn đối với các môn học bổ sung nếu có đủ số lượng thích hợp, xét công nhận kết quả trước khi tổ chức thi tuyển sinh.

Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành dự thi

| Số TT | Chuyên ngành dự thi | Ngành phù hợp | Ngành gần |
|-------|-----------------------|---|---|
| 1 | Quản lý giáo dục | - Quản lý giáo dục - Giáo dục học | Sư phạm hoặc các ngành khác |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | Các ngành Tài chính, Ngân hàng | Tất cả các ngành khác thuộc khối Kinh tế mà bằng tốt nghiệp đại học là Cử nhân Kinh tế |
| 3 | Toán giải tích | Ngành Toán học và Sư phạm Toán | Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Toán kinh tế, Toán thống kê |
| 4 | Ngôn ngữ học | - Ngôn ngữ học - Ngữ văn - Sư phạm Ngữ văn - Hán-Nôm | - Việt Nam học, Văn hóa học, Báo chí, Đông phương học, Đông Nam Á học - Các ngành Sư phạm tiếng Anh/Pháp/Trung/Nga/Đức/Nhật - Các ngành Ngôn ngữ Anh/Pháp/Trung/Nga/ Đức/Nhật |
| 5 | Hóa hữu cơ | - Hóa học - Sư phạm Hóa học | Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ hóa học, Kỹ thuật hóa học, Hóa dược |
| 6 | Lịch sử Việt Nam | - Lịch sử thế giới - Khảo cổ học - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Nhân học, Quốc tế học, Bảo tàng học, Đông Phương học, Châu Á học, Việt Nam học |

| | | | |
|---|------------------|--|--|
| | | - Sư phạm Lịch sử | |
| 7 | Văn học Việt Nam | - Sư phạm Ngữ văn - Văn học - Sáng tác Văn học - Việt Nam học | Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn hóa học |

Danh mục các học phần bổ sung

| STT | Chuyên ngành | Học phần bổ sung | Số tín chỉ |
|-----|-----------------------|--|------------|
| 1 | Quản lý giáo dục | Tâm lý học đại cương | 02 |
| | | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | 03 |
| | | Giáo dục học đại cương | 02 |
| | | Quản lý hoạt động giáo dục, dạy học trong nhà trường | 03 |
| | | Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục | 03 |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính tiền tệ | 03 |
| | | Tài chính doanh nghiệp | 03 |
| | | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 03 |
| 3 | Toán giải tích | Topo | 03 |
| | | Giải tích hàm | 03 |
| 4 | Ngôn ngữ học | Cơ sở ngôn ngữ học | 02 |
| | | Ngữ âm học tiếng Việt | 02 |
| | | Từ vựng học tiếng Việt | 02 |
| | | Ngữ pháp học tiếng Việt | 02 |
| | | Phong cách học tiếng Việt | 02 |
| 5 | Hóa hữu cơ | Hóa hữu cơ 1 | 03 |
| | | Hóa hữu cơ 2 | 03 |
| | | Các phương pháp hóa lý trong phân tích hữu cơ | 03 |
| 6 | Lịch sử Việt Nam | Những vấn đề Lịch sử Việt Nam cổ trung đại | 03 |
| | | Việt Nam trong tiến trình lịch sử cận hiện đại, hội nhập và phát triển | 03 |
| | | Chế độ ruộng đất Việt Nam trong lịch sử | 03 |
| 7 | Văn học Việt Nam | Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII | 02 |
| | | Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX | 02 |
| | | Văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1945 | 02 |
| | | Văn học Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 | 02 |
| | | Lí luận văn học (Nguyên lí lí luận văn học, Tác phẩm văn học) | 02 |
| | | Chủ nghĩa nhân văn trong văn học | 02 |

Đối tượng dự tuyển

Người dự tuyển phải có văn bằng theo quy định, có lý lịch rõ ràng, không phải đang thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không phải đang thi hành án hình sự. Lý lịch phải được cơ quan nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

Đối với sinh viên vừa mới tốt nghiệp loại khá trở lên, hội đồng tuyển sinh chấp nhận Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời khi nộp hồ sơ (nếu trúng tuyển, học viên phải nộp bản sao văn bằng có công chứng). Các trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự thi.

Riêng đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục:

Người có bằng tốt nghiệp cử nhân Quản lý giáo dục loại khá trở lên được dự thi ngay khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 02 (hai) năm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục (trong biên chế hoặc trong hợp đồng

không xác định thời hạn, tính từ ngày kí hợp đồng lao động đến ngày nộp hồ sơ dự thi). Đối tượng dự thi phải là một trong những trường hợp sau:

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng, phó các khoa/phòng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; cán bộ quản lý công tác Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục – đào tạo; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục/đào tạo của các tổ chức chính trị, các bộ/cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố/quận/huyện, sở/phòng giáo dục – đào tạo, phòng/ban của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các doanh nghiệp...
- Là cán bộ thuộc diện được quy hoạch vào các chức danh: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng, phó các khoa/phòng các trường đại học; cao đẳng; trưởng/phó các phòng giáo dục và đào tạo trở lên.

3. CÁC MÔN THI TUYỂN

3.1. Môn cơ bản và môn cơ sở

| Số TT | Chuyên ngành | Mã số | Các môn thi tuyển | |
|-------|-----------------------|-------------|---|----------------------------|
| | | | Cơ bản | Cơ sở |
| 1 | Quản lý giáo dục | 60 14 01 14 | Lôgic học | Giáo dục học đại cương |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | 60 34 02 01 | Toán kinh tế | Kinh tế học |
| 3 | Toán giải tích | 60 46 01 02 | Giải tích và Đại số | Giải tích hàm |
| 4 | Ngôn ngữ học | 60 22 02 40 | Triết học | Ngôn ngữ học đại cương |
| 5 | Hóa hữu cơ | 60.44.01.14 | Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học | Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ |
| 6 | Lịch sử Việt Nam | 60.22.03.13 | Triết học | Lịch sử Việt Nam |
| 7 | Văn học Việt Nam | 60.22.01.21 | Lí luận văn học | Lịch sử văn học Việt Nam |

3.2. Môn ngoại ngữ

a. Mức độ thi tuyển môn Ngoại ngữ là tiếng Anh trình độ B. Nội dung thi theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Các trường hợp sau đây được miễn thi đầu vào Ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học nước ngoài;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trong nước mà ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong đào tạo là một trong các thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung;
- Có bằng tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ;
- Có chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi) đạt các mức điểm tối thiểu sau đây:

| Cấp độ (CEFR) | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS | Khung châu Âu |
|----------------|-------|------------------------------|-------|-----------------|----------------------|--------|---------------|
| 3/6 (Khung VN) | 4.5 | 450 PBT 133 CBT 45 iBT | 450 | Preliminary PET | Business Preliminary | 40 | B1 |

- Một số tiếng khác

| Cấp độ (CEFR) | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật |
|----------------|-----------|------------------------|-----------|--------------|------------|
| 3/6 (Khung VN) | TRKI 1 | DELFB1 TCF niveau 3 | B1 ZD | HSK cấp độ 3 | JLPT N4 |

- Các loại chứng chỉ khác sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét.

4. LỆ PHÍ THI TUYỂN

- Lệ phí hồ sơ: 100.000đ
- Lệ phí đăng ký thi: 100.000đ
- Lệ phí thi: 200.000đ/1 môn thi
- Lệ phí ôn thi: 1.000.000đ/1 môn (nếu đăng ký ôn thi)
- Lệ phí bổ túc kiến thức: 300.000đ/1 tín chỉ

5. PHÁT HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ ÔN THI

5.1. Phát và nhận hồ sơ thi:

- Phát hồ sơ: từ ngày 23/3/2015;
- Hạn nhận hồ sơ: đến hết ngày 09/5/2015.

5.2. Học bổ sung kiến thức:

- Các lớp bổ sung kiến thức dành cho thí sinh ngành gần: chỉ mở lớp khi đủ số lượng thí sinh đăng kí (những thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức nên đăng kí sớm);
- Thời gian đăng kí học và thi (dự kiến): 30/3/2015 đến 26/4/2015.

5.3. Ôn thi tuyển sinh:

- Các lớp ôn thi tuyển sinh: chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí;
- Thời hạn đăng ký: trước ngày 26/4/2015;
- Thời gian ôn thi (dự kiến): 07/5/2015 đến 24/5/2015.

5.4. Thời gian tổ chức thi tuyển sinh:

Dự kiến ngày 30, 31 tháng 5 năm 2015.

* Mọi chi tiết xin liên hệ:

Phòng Quản lý Khoa học và Sau đại học, Trường Đại học Sài Gòn

Số 273 An Dương Vương, P.3, Q.5, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.sgu.edu.vn (biểu tượng Tuyển sinh SAU ĐẠI HỌC 2015)

Điện thoại: (08) 38.303108, E-mail: sdh@sgu.edu.vn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VP, P.QLKH&SDH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Viết Ngoạn